

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2025/DSST
Ngày: 06/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường.

Ông Đặng Ngọc Thương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 842/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở số B, đường N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thanh D, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Trần Duy T. Chức vụ: Trưởng phòng G (Vắng mặt)

(Theo Giấy uỷ quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024)

- *Người được uỷ quyền lại:* Bà Phạm Thị L. Chức vụ: Nhân viên (Có mặt).

(Theo Giấy uỷ quyền số 10/2024/UQTTPGDDTTam ngày 14/11/2024)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ số F, đường C, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hộ khẩu thường trú tại số B, đường B, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Ngày 30/10/2023, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Ngọc T1 ký Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 322/2023/TTD/TTAM, số thẻ 436438-0848, loại thẻ VISA, theo đó, Ngân hàng cấp hạn mức vay là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân, ông T1 được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần; Lãi suất trong hạn là 29,8%/năm; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, ông T1 còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã rút tổng số tiền là 211.142.986đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 146.497.000đồng.

Sau đó, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần nhưng từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/7/2024, là 04 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) liên tiếp ông T1 không thanh toán. Ngày 05/7/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ thẻ của ông T1, với tổng số tiền là 54.117.341đồng (gồm: Nợ gốc 48.937.510đồng; Nợ lãi trong hạn từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/7/2024 là 2.343.899đồng; Phí phạt 424.780đồng; P chuyển đổi trả góp là 2.361.152đồng; Vượt hạn mức 50.000đồng) sang lãi quá hạn tính từ ngày 05/7/2024. Nay ngân hàng khởi kiện ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 74.533.981đồng, trong đó, nợ gốc 48.937.510đồng; nợ lãi trong hạn từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/7/2024 là 2.343.899đồng; Nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/7/2024 đến ngày 05/5/2025 là 20.147.663đồng; Phí phạt 424.780đồng; P chuyển đổi trả góp là 2.361.152đồng; Phí vượt hạn mức 50.000đồng.

- Tính từ ngày 06/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay nêu trên, ông T1 còn phải trả lãi suất quá hạn trên số tiền dư nợ theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không lý do.

3. Tại phiên tòa: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Buộc ông T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 74.533.981đồng, trong đó, nợ gốc 48.937.510đồng; nợ lãi trong hạn từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/7/2024 là 2.343.899đồng; Nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/7/2024 đến ngày 05/5/2025 là 20.147.663đồng; Phí phạt 424.780đồng; P chuyển đổi trả góp là 2.361.152đồng; Phí vượt hạn mức 50.000đồng.

- Buộc ông T1 trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 06/5/2025 cho đến khi trả dứt các khoản nợ nêu trên theo thoả thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

4. *Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến:* Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu toàn bộ câu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 30/10/2023, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Ngọc T1 ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, với mục đích tiêu dùng cá nhân, nay có tranh chấp xảy ra, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, ông T1 cung cấp địa chỉ đang ở là số F, đường C, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại thời điểm ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, bị đơn cung cấp địa chỉ cư trú tại nhà số S, đường C, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án, bị đơn thay đổi địa chỉ không thông báo cho nguyên đơn biết, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định, bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường nơi địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn và các loại phí phát sinh: Mặc dù hàng tháng đã được Ngân hàng nhắc nhở nhưng quá 04 kỳ (mỗi kỳ 01 tháng) liên tiếp ông T1 vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 05/7/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ thẻ của ông T1 với số tiền 54.117.341đồng (gồm: Nợ gốc 48.937.510đồng; Nợ lãi trong hạn từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/7/2024 là 2.343.899đồng; Phí phạt 424.780đồng; P chuyển đổi trả góp là 2.361.152đồng; Phí vượt hạn mức là 50.000đồng) sang tính lãi quá hạn kể từ ngày 05/7/2024. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ phí nào nêu trên là vi phạm mục 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S kèm theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T1 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền dư nợ tính đến ngày 05/7/2024, với tổng số tiền là 54.117.341đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi quá hạn: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi trong hạn là 29,8%/năm; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn (bằng 44,7%/năm) (Mục 1.24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Nợ lãi quá hạn trên tổng số tiền 54.117.341đồng, tính từ thời điểm ngày 05/7/2024 đến ngày 05/5/2025 là 304 ngày, ông T1 chưa thanh toán nên ông T1 phải trả số tiền nợ quá hạn là: 20.416.640đồng ($54.117.341\text{đồng} \times (29,8\%/năm \times 150\%):365\text{ngày} \times 304\text{ngày}$).

[3]. Từ phân tích [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ để tính lãi quá hạn đúng thời gian vi phạm, đúng các thỏa thuận theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã cam kết và phù hợp với Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 74.533.981đồng, trong đó, nợ gốc 48.937.510đồng; nợ lãi trong hạn từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/7/2024 là 2.343.899đồng; Nợ lãi quá hạn tạm tính từ ngày 05/7/2024 đến ngày 05/5/2025 là 20.416.640đồng; Phí phạt 424.780đồng; P chuyển đổi trả góp là 2.361.152đồng; Phí vượt hạn mức 50.000đồng. Đồng thời, kể từ ngày 06/5/2025, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng các bên đã cam kết.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1]. Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 74.533.981đồng (Bảy mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi ngàn, chín trăm tám mươi một đồng), trong đó, nợ gốc 48.937.510đồng (Bốn mươi tám triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, năm trăm mười đồng); Nợ lãi trong hạn (từ ngày 05/3/2024 đến ngày 05/7/2024) là 2.343.899đồng (Hai triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm chín mươi chín đồng); Nợ lãi quá hạn (tạm tính từ ngày 05/7/2024 đến ngày 05/5/2025) là 20.416.640đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng); Phí phạt 424.780đồng (Bốn trăm hai bốn ngàn, bảy trăm tám mươi đồng); Phí chuyển đổi trả góp là 2.361.152đồng (Hai triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, một trăm năm mươi hai đồng); Phí vượt hạn mức 50.000đồng (Năm mươi ngàn đồng).

Tính từ ngày 06/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T1 còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên tổng số tiền dư nợ chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 322/2023/TTD/TTAM và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.726.699 đồng (Ba triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, sáu trăm chín mươi chín đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.400.000đồng (Một triệu, bốn trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004643 ngày 15/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng